HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ CHIẾN LƯỢC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆT NAM

PHƯƠNG THANH THỦY *

Tóm tắt: Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) là hiệp định Thương mại tự do nhiều bên với mục đích hội nhập các nền kinh tế thuộc khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Tháng 11 năm 2010, Việt Nam đã chính thức tham gia TPP. Bài viết phân tích những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam khi tham gia TPP.

Từ khóa: Hiệp định thương mại tự do; Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương; Việt Nam.

1. Tổng quan về TPP

Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương là hiệp định thương mại tự do nhiều bên, được coi như một hiệp định thương mại tự do thế hệ thứ 2 với mục tiêu thiết lập một mặt bằng tự do chung cho các nước khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Thỏa thuận ban đầu được 4 nước Brunei, Chile, New Zealand và Singapore ký vào ngày 3 tháng 6 năm 2005 và có hiệu lực ngày 28 tháng 5 năm 2006.

Tháng 9 năm 2008, Mỹ tuyên bố tham gia TPP. Tiếp theo đó, tháng 11 năm 2008, Australia và Pêru cũng tuyên bố tham gia TPP. Đầu năm 2009, Việt Nam quyết định tham gia Hiệp định TPP với tư cách thành viên liên kết. Tháng 11 năm 2010, Việt Nam đã chính thức tham gia TPP. Tháng 10 năm 2010, Malaysia chính thức tham gia vào TPP. Tháng 10 năm 2012, Mêhicô, Canada tham gia vào TPP. Tháng 11 năm 2013, Nhật Bản chính thức tham gia vào TPP, nâng tổng số nước tham gia TPP hiện nay lên thành 12 nước, gồm: New Zealand, Brunei, Chile, Singapore, Australia, Pêru, Hoa Kỳ, Malaysia, Việt Nam, Canada, Mêhicô và Nhật Bản.

So với toàn thế giới, hiện các nước thành viên tham gia TPP chiếm 24,9% về diện tích; 11,1% dân số; 37,7% GDP; khoảng 19,3% xuất khẩu, khoảng 21,1% nhập khẩu. Trong 12 thành viên TPP, Việt Nam đứng thứ 8 về diện tích, thứ 4 về dân số, thứ 11 về GDP, thứ 8 về xuất nhập khẩu.

Mục tiêu ban đầu của Hiệp định là giảm 90% các loại thuế xuất nhập khẩu giữa các nước thành viên trước ngày 01 tháng 01 năm 2006 và cắt giảm bằng không tới năm 2015. Đây là một thỏa thuận toàn diện, bao quát toàn bộ các

(*) Thạc sĩ, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

khía cạnh chính của một hiệp định thương mại tự do.

Năm 2008, tại buổi họp báo công bố việc tham gia của Australia và Pêru vào TPP, đại diện các bên khẳng định sẽ đàm phán để thiết lập một khuôn khổ mới cho TPP. Kể từ đó, các vòng đàm phán TPP được lên lịch và diễn ra cho đến nay. TPP đã trải qua 9 vòng đàm phán, lần lượt được tổ chức tại các quốc gia thành viên là Australia, Mỹ, Brunei, New Zealand, Chilê, Singapore và Việt Nam.

Phạm vi điều chỉnh của TPP rất rộng, một thỏa thuận toàn diện bao quát tất cả các khía cạnh chính của một hiệp định thương mại tự do, bao gồm trao đổi hàng hóa, các quy định về xuất xứ, rào cản kỹ thuật, trao đổi dịch vụ, vấn đề sở hữu trí tuệ, các chính sách của chính quyền về vấn đề môi trường, lao động, chống tham nhũng. TPP đòi hỏi sự minh bạch tuyệt đối trong cả báo cáo tài chính và các giao dịch cụ thể. Bên cạnh đó còn hàng loạt các vấn đề khác, như tuân thủ sở hữu trí tuệ, nghiêm cấm tuyệt đối lao động trẻ em... Ngoài ra, còn có một chương về hợp tác và 02 văn kiện đi kèm về hợp tác môi trường và hợp tác lao động.

Về nội dung đàm phán, hiện hơn 20 nhóm đàm phán đã bước vào giai đoạn thảo luận thực chất trên cơ sở các đề xuất và văn bản thể hiện quan điểm của mỗi quốc gia thành viên trong từng lĩnh vực cụ thể thuộc phạm vi của Hiệp định. Một số nhóm đã đạt được những tiến bộ nhất định trong việc thu hẹp khoảng cách về quan điểm trong các lĩnh vực như mở cửa thị trường đối với hàng công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, đầu tư...

Ngoài các nội dung đàm phán mang tính truyền thống trong các hiệp định thương mại tự do (FTA) trên, các quốc gia thành viên còn tập trung thảo luận nhiều đề xuất và biện pháp để thúc đẩy hợp tác trong các vấn đề liên quan tới hoạch định chính sách, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, phát triển chuỗi cung cấp và sản xuất giữa các nước thành viên, nâng cao sự tham gia của các doanh nghiệp vừa và nhỏ vào quá trình lưu thông hàng hóa giữa các quốc gia thành viên TPP, cũng như thúc đẩy sự phát triển chung của các quốc gia thành viên.

Với mục tiêu duy trì tính "mở" của Hiệp định TPP, tức là có cơ chế kết nạp thêm thành viên mới trong tương lai và các bên có thể tiếp tục đàm phán những vấn đề phát sinh sau khi Hiệp định có hiệu lực, các nhóm đàm phán cũng đang nỗ lực đưa ra nhiều đề xuất và biện pháp liên quan để bảo đảm Hiệp định sẽ mang lại lợi ích nhiều nhất cho tất cả những nước đang và sẽ tham gia Hiệp định.

Nét mới trong đàm phán Hiệp định TPP so với các FTA truyền thống trước đây là sự tham gia của các đối tượng liên quan như doanh nghiệp, hiệp hội, tổ chức xã hội. Tại mỗi phiên đàm phán, các đối tượng trên luôn được tạo cơ hội để trao đổi thông tin cũng như bày tỏ quan điểm và nguyện vọng đối với các nội dung đàm phán của Hiệp định thông qua các buổi hội thảo và diễn đàn dành cho các đối tượng liên quan được tổ chức bên lề các phiên đàm phán.

2. Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam

2.1. Cơ hội

TPP là một hiệp định với phạm vi rộng, mức độ cam kết sâu và là một hiệp định của thế kỷ XXI, bởi: TPP có thể được mở rộng ra đối với các thành viên của Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC), thậm chí ngoài khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; TPP mở cửa thị trường toàn diện, cắt giảm gần như toàn bộ 100% thuế quan, phạm vi đàm phán của TPP rộng, bao gồm 22 lĩnh vực; các lĩnh vực đàm phán ưu tiên hiện nay bao gồm dịch vụ tài chính, đầu tư, lao động và sở hữu trí tuệ... Ngoài ra, những vấn đề về lao động, môi trường hay công đoàn cũng được đàm phán.

TPP là hiệp định thương mại tự do khu vực toàn diện, có thể đem đến những cơ hội rất lớn cho Việt Nam. Việt Nam có thể kết nối nền kinh tế của mình với các thành viên TPP khác, có nhiều lợi ích trong việc phát triển kinh tế và đẩy mạnh xuất khẩu, thu hút đầu tư, mở rộng lĩnh vực dịch vụ tài chính, thuận lợi trong tiếp cận thị trường các nước… Các cơ hội khi tham gia TPP bao gồm:

Thứ nhất, tham gia TPP sẽ tạo điều kiện cho xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng cao, nhờ TPP gồm các thị trường lớn, trong đó có 2 thị trường lớn nhất của Việt Nam; thuế nhập khẩu về mức 0%; Nhật Bản xóa bỏ thuế nhập khẩu cho hàng nông sản trong TPP. Các mặt hàng được hưởng lợi lớn là dệt may, giày dép, thủy sản, đồ gỗ và nông sản. Đây là những mặt hàng mà kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào các nước thành viên TPP chiếm tỷ trọng lớn.

Mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam tới các nước TPP chủ yếu là sản phẩm dệt may, giày dép, gỗ và các sản phẩm từ gỗ, hàng thủy sản, dầu thô, cà phê, gạo, hạt điều, cao su, điện thoại các loại và linh kiện, sản phẩm điện tử và linh kiện... Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, máy tính và thiết bị điện tử, sữa và các sản phẩm từ sữa, dược phẩm, hóa chất, phân bón, nguyên phụ liệu dệt may da giày...

Trên thực tế, một số hàng hóa xuất khẩu có thế mạnh của Việt Nam đang được hưởng mức thuế suất thấp: các sản phẩm thủy sản (như cá, tôm, cua...) xuất khẩu sang thị trường như Australia, New Zealand và Pêru hiện nay đã áp dụng mức thuế 0%; hàng thủy sản chưa chế biến hay đồ gỗ xuất khẩu chủ yếu sang thị trường Mỹ đang được hưởng mức thuế suất gần bằng 0%. Vì thế nên lợi ích từ các nhóm ngành hàng này sẽ không thể hiện rõ rệt khi Việt Nam ký kết TPP. Tuy nhiên, TPP được ký kết sẽ mang lại ưu đãi về thuế suất cho các nhóm hàng chủ lực xuất khẩu của Việt Nam như dệt may, giày dép (đặc biệt đối với thị trường Mỹ). Trong nhiều năm qua, Mỹ, EU, Nhật Bản là những thị trường truyền thống, chủ lực trong xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường đó là hàng dệt may (Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất). Năm 2012, kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang

Mỹ đạt 7,46 tỷ USD, chiếm gần 50% tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may của cả nước (15,1 tỷ USD) và chiếm khoảng 7,6% thị trường dệt may tại Mỹ. Đến nay, hầu hết các mặt hàng dệt may của Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ đều chịu thuế suất bình quân 17,3%, cao nhất là 32%. Vì thế khi Việt Nam vào TPP, hàng dệt may của Việt Nam sẽ có cơ hội hưởng mức thuế suất 0%, kim ngạch xuất khẩu có thể tăng 12 - 13%/năm, thay vì 7%/ năm như hiện nay. Năm 2013, xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ đạt tốc độ tăng trưởng 21,4% với kim ngạch lên tới 23,87 tỉ USD, chiếm 18% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Các mặt hàng xuất khẩu chính là sản phẩm dệt may đạt 8,61 tỉ USD, tăng 15,5%; giày dép các loại (2,63 tỉ USD, tăng 17,3%); sản phẩm từ gỗ (1,98 tỉ USD, tăng 12,2%); máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (1,47 tỉ USD, tăng 57,6%); hàng thủy sản (1,46 tỷ USD, tăng 25,5%); máy móc thiết bị dụng cụ và phụ tùng (1,01 tỉ USD, tăng 7,1%)...

Nhập khẩu hàng hóa từ Mỹ năm 2013 đạt 5,23 tỉ USD, tăng 8,3% so với năm trước. Trong năm qua, có 13 nhóm hàng nhập khẩu đạt giá trị trên 100 triệu USD với tổng giá trị hơn 4 tỉ USD, chiếm 77% trị giá hàng hóa nhập khẩu từ Mỹ. Đặc biệt, Việt Nam vẫn duy trì được đà xuất siêu vào Mỹ với trị giá xuất siêu năm 2013 là 18,64 tỉ USD.

Hiện nay, Việt Nam đứng thứ 2 sau Trung Quốc về xuất khẩu giày dép vào thị trường Mỹ. Năm 2012, kim ngạch xuất khẩu giày dép của Việt Nam sang thị trường Mỹ đạt 2,24 tỷ USD. Tuy nhiên, tại Mỹ, giày dép Việt Nam mới chỉ chiếm được 6% về số lượng và 8% về giá trị. Khi TPP được ký kết, mức thuế suất nhập khẩu bình quân 14,3% hiện nay (thị trường Mỹ) sẽ giảm xuống còn 0%. Đó cũng sẽ là cơ hội lớn để Việt Nam tiếp cận được các thương hiệu giày dép, túi xách lớn của thế giới. Tuy nhiên, để có được cơ hội này, ngành giày dép, túi xách Việt Nam phải đối diện với nhiều thách thức, cạnh tranh với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, các yêu cầu khắc nghiệt về chất lượng giao hàng và hàng rào kỹ thuật, khả năng làm chủ thị trường nội địa, tỷ lệ nội địa hóa nguyên phụ liệu để đảm bảo điều kiện thụ hưởng thuế suất ưu đãi...

TPP không phải là một FTA đầu tiên mà Việt Nam tham gia. Trước đó Việt Nam đã tham gia vào hiệp định FTA nội bộ ASEAN, ASEAN với các nước đối tác, song phương với Chilê. Tuy nhiên, các Hiệp định này cơ bản chỉ tập trung vào lĩnh vực thương mại hàng hóa và mức độ cam kết vừa phải; trong khi đó TPP lại rất rộng, không chỉ có các quy định ràng buộc về dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, mà còn có những quy định ràng buộc về vấn đề lao động, môi trường, mua sắm chính phủ, doanh nghiệp nhà nước...

Nếu nhìn vào các thành viên hiện nay của TPP thì Mỹ là đối tác chiến lược quan trọng nhất. Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ bình quân 3 năm (2010 - 2012) đạt 17 tỷ USD với tốc độ

tăng trưởng ấn tượng là 17,5%. Nếu Việt Nam không tham gia TPP thì khả năng thiết lập một FTA song phương với Mỹ là vô cùng khó khăn.

Trong 12 nước, có 4 nước nhập siêu, lớn nhất là Mỹ; có 8 nước xuất siêu, trong đó có Việt Nam. Việt Nam chiếm 0,5% về GDP, chiếm 2,2% tổng kim ngạch xuất khẩu, chiếm gần 2% tổng kim ngạch nhập khẩu của TPP. Tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam vào TPP năm 2010 chiếm 43,3%, năm 2013 chiếm 39%. Nhập khẩu của Việt Nam năm 2013 từ TPP chiếm 22,8% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam. Xuất khẩu của Việt Nam vào TPP chiếm khoảng 1% tổng kim ngạch nhập khẩu của các nước thành viên TPP. Điều đó chứng tỏ TPP là thị trường tiềm năng của Việt Nam.

Trong quan hệ buôn bán giữa Việt Nam với các thành viên còn lại của TPP, Việt Nam ở vị thế xuất siêu khá lớn (năm 2013 đạt 21,4 tỷ USD, bằng 41,5% kim ngạch xuất khẩu). Trong 11 nước, Việt Nam xuất siêu với 6 nước, lớn nhất là Mỹ, Nhật Bản, Australia, Canada...; nhập siêu với 5 nước, lớn nhất là Singapore.

Trung Quốc tiếp tục là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 50,21 tỉ USD, tăng 22% so với năm 2012. Tuy nhiên, Việt Nam đang phải nhập siêu lớn từ thị trường láng giềng này với trị giá nhập siêu lên tới 23,69 tỉ USD Việt Nam xuất khẩu 13,26 tỉ USD và nhập khẩu 36,95 tỉ USD, tương đương gần 47,2% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa 2 nước. Năm 2013, kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc của khối doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI đều tăng mạnh. Cụ thể, nhập khẩu của doanh nghiệp FDI tăng 38,7% với trị giá đạt 20,59 tỉ USD và khối doanh nghiệp trong nước đạt 16,36 tỉ USD, tăng 17,4% so với năm 2012.

Năm 2013, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Nhật Bản đạt 13,65 tỉ USD, tăng 4,5% so với năm 2012. Tuy nhiên, tốc độ tăng này khá khiêm tốn so với những năm trước đó (năm 2010 tăng 23%, năm 2011 tăng 40% và năm 2012 tăng 21%). Các nhóm hàng chính xuất khẩu sang thị trường này là: dệt may đạt 2,38 tỉ USD, tăng 20,7%; dầu thô đạt 2,09 tỉ USD, giảm 16,4%; linh kiện ô tô đạt 1,77 tỉ USD, tăng 8,5%; máy móc thiết bị dụng cụ và phụ tùng đạt 1,21 tỉ USD, giảm 1,4%...

Nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Nhật Bản tăng nhẹ (0,1%) trong khi năm 2010 tăng 20,7%, năm 2011 tăng 15,4% và năm 2012 tăng 11,6%. Giá trị nhập khẩu hàng hóa từ Nhật Bản năm 2013 là 11,61 tỉ USD. Các nhóm hàng nhập khẩu chính máy móc thiết bị dụng cụ & phụ tùng đạt 2,96 tỉ USD, giảm 12,3%; máy vi tính sản phẩm điện tử & linh kiện (1,82 tỉ USD, tăng 7,4%); sắt thép các loại (1,64 tỉ USD, tăng 5,9%); sản phẩm từ chất dẻo (625 triệu USD, giảm 3,4%)...

Thương mại hai chiều Việt Nam - Hàn Quốc năm 2013 đạt tốc độ tăng trưởng mạnh nhất trong số các đối tác

thương mại chính của Việt Nam, với tổng giá trị kim ngạch lên đến 27,33 tỉ USD, tăng 29,4% so với năm 2012. Trong đó, xuất khẩu của Việt Nam đạt 6,63 tỉ USD, tăng 18,8% và NK đạt 20,7 tỉ USD, tăng tới 33,2%. Các nhóm hàng xuất khẩu chủ yếu là sản phẩm dệt may đạt 1,64 tỉ USD, tăng 53,5%; dầu thô đạt 725 triệu USD, giảm 9,3%; hàng thủy sản đạt 512 triệu USD, tăng 0,5%; tàu thuyền các loại đạt 353 triệu USD, giảm 19,5%... Các nhóm hàng nhập khẩu chính từ Hàn Quốc là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 5,1 tỉ USD, tăng 54,7%; máy móc thiết bị dụng cụ và phụ tùng đạt 1,82 tỉ USD, tăng 61,7%; điện thoại các loại và linh kiện đạt 2,2 tỉ USD, tăng 65,6%; vải các loại đạt 1,71 tỉ USD, tăng 21,5%...

Thứ hai, tham gia TPP sẽ giúp cho Việt Nam cân bằng được quan hệ thương mại với các khu vực thị trường khác. Tổng kim ngạch nhập khẩu năm 2013 từ Trung Quốc là 36,95 tỷ USD, Hàn Quốc 20,7 tỷ USD, Đài Loan 9,42 tỷ USD, Thái Lan 6,31 tỷ USD, Singapore 5,7 tỷ USD (chỉ với 5 thị trường này đã đạt 79,1 tỷ USD, chiếm 59,9% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam). Tại 5 thị trường này, tổng mức nhập siêu lên đến 51,22 tỷ USD, trong đó Trung Quốc đã chiếm gần một nửa. Đáng lưu ý, việc nhập khẩu, nhập siêu lớn từ Trung Quốc có một phần do nước láng giềng có đường biên giới dài, một phần lớn do nhiều người ở Việt Nam ham giá rẻ, trong khi máy móc thiết bị chiếm tỷ trọng lớn thì không phải là công nghiệp nguồn, nhiều loại hàng tiêu dùng không được kiểm tra chặt chẽ, vệ sinh an toàn...

Theo quy tắc xuất xứ, hàng xuất khẩu của Việt Nam vào các thành viên TPP muốn được hưởng thuế suất như trên, thì phải có nguyên liệu tự sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu từ các nước thành viên TPP. Tuy nhiên, phần nguyên phụ liệu của Việt Nam phần lớn lại phụ thuộc nhập khẩu từ các nước và lãnh thổ nằm ngoài TPP (nhất là từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, một số nước trong khu vực ASEAN). Vì thế, chúng ta cần đẩy mạnh phát triển công nghệ phụ trợ; đẩy mạnh sản xuất nguyên vật liệu sản xuất ở trong nước; chuyển trọng tâm nhập khẩu sang các thành viên TPP...

Thứ ba, tham gia TPP sẽ giúp Việt Nam gia tăng FDI của các nước thành viên TPP và các nước khác ngoài TPP, từ đó gia tăng xuất khẩu vào TPP, nhất là các thị trường lớn, như Mỹ, Nhật Bản, Canada...

Hiện nay có khoảng 100 quốc gia và vùng lãnh thổ đã đầu tư vào Việt Nam, song đầu tư tập trung vào một số quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có các thành viên TPP như Nhật Bản, Singapore, Malaysia, Mỹ.

Các nước đối tác TPP đó vẫn còn nhiều tiềm năng mở rộng đầu tư vào Việt Nam. Tham gia TPP sẽ mở ra cho Việt Nam cơ hội lớn để tạo dựng một môi trường đầu tư thuận lợi hơn, thu hút nhiều hơn nguồn vốn đầu tư nước ngoài từ các nước đối tác TPP, đặc biệt vào các lĩnh vực dịch vụ mà hiện Việt Nam rất cần nâng cấp như bảo hiểm, tài chính, viễn thông, vận tải.

Thứ tư, tham gia TPP (với các cam kết sâu, rộng hơn WTO) giúp Việt Nam đẩy nhanh công cuộc tái cơ cấu, đổi mới mô hình tăng trưởng, hoàn thiện thể chế cũng như cải cách hành chính.

2.2. Thách thức

Khi gia nhập vào sân chơi mới này, Việt Nam cũng sẽ phải đối mặt với những thách thức lớn.

Thứ nhất, thách thức về cạnh tranh

Thách thức sức ép cạnh tranh xuất phát từ 3 động thái, đó là việc giảm thuế nhập khẩu về 0%; mở cửa thị trường dịch vụ đầu tư và mua sắm chính phủ trong khuôn khổ TPP. Sức ép cạnh tranh do giảm thuế nhập khẩu về 0%, chủ yếu đến từ các nước mà Việt Nam hiện chưa có quan hệ FTA, gồm: Mỹ, Canada, Mêhicô và Pêru. Còn 7 nước mà Việt Nam đã có quan hệ FTA như Brunei, Malaysia, Singapore, Australia, Chilê, New Zealand, Nhật Bản, thì trong tương lai gần, dù Việt Nam có tham gia hay không tham gia TPP, thuế nhập khẩu áp dụng cho hàng hóa của những nước này vẫn được hạ về 0%. Ngay cả đối với 4 nước mà Việt Nam chưa có quan hệ FTA, thì cơ cấu xuất nhập khẩu mang tính bổ sung hơn là cạnh tranh với cơ cấu xuất nhập khẩu của Việt Nam (như Mỹ, Canada), hoặc là không có triển vọng nhâm nhập thị trường Việt Nam với mức độ lớn để gây ra sức ép cạnh tranh (như Pêru, Mêhicô).

Nếu phân tích sâu cơ cấu xuất khẩu của các ngành công nghiệp, có thể thấy mức độ cạnh tranh cụ thể như sau:

- Những ngành sản xuất của Việt Nam thực sự gặp khó khăn sẽ là ô tô, thịt lợn, thịt bò và đường; sau đó là thực phẩm chế biến, rượu và hóa phẩm tiêu dùng;

- Những mặt hàng được bảo hộ cao như muối, thuốc lá, trứng gia cầm, thép, giấy..., do các nước TPP hoặc là không xuất khẩu hoặc là xuất khẩu hướng đến phân khúc thị trường khác so với sản xuất trong nước;

- Riêng với xăng dầu, tác động được xét chủ yếu là Việt Nam sẽ mất đi một trong những công cụ điều hành giá quan trọng.

Trong việc mở cửa lĩnh vực dịch vụ, sau 7 năm thực hiện cam kết khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), độ mở của lĩnh vực này đã khá hơn. Tham gia TPP sức ép cạnh tranh từ 3 ngành chính là ngân hàng, thương mại bán lẻ và một phần từ viễn thông sẽ gia tăng. Trong lĩnh vực mua sắm chính phủ, sức ép cạnh tranh tuy có nhưng sẽ tăng lên dần.

Thứ hai, thách thức về thu ngân sách

Năm 2013, thách thức này chủ yếu đến từ hiệu quả sản xuất kinh doanh ở trong nước và sự suy giảm tăng trưởng kinh tế. Khi tham gia TPP, thách thức sẽ có thêm từ việc giảm thuế nhập khẩu. Vì vậy, việc tăng quy mô xuất nhập khẩu sẽ được bù đắp bằng thu từ thuế giá trị gia tăng (loại thuế không phải xóa bỏ trong FTA).

TPP là mô hình mới về hợp tác kinh tế, vừa có tính toàn diện, vừa có mức độ cam kết sâu. Vì thế, tận dụng được cơ hội để hạn chế và vượt qua thách thức sẽ tạo ra kỳ vọng mới.

Thứ ba, thách thức trong lĩnh vực ngân hàng

Những thách thức đến từ bên ngoài xuất phát từ việc các nước phát triển

muốn đẩy mạnh mở cửa hơn nữa trong khi các quốc gia đang phát triển (trong đó có Việt Nam) tỏ ra thận trọng hơn do lo ngại các vấn đề liên quan đến cạnh tranh trong lĩnh vực này. Trong lĩnh vực ngân hàng, các nước thuộc TPP được chia ra thành nhóm các nước có hệ thống ngân hàng phát triển (Mỹ, Australia, Canada, New Zealand, Singapore) và các nước đang phát triển.

Hiện nay, một khó khăn chung của tất cả các nước đó là giữa các nước hiện tại đã tồn tại các FTA được ký kết và có hiệu lực hoặc ký kết với một nước nằm ngoài TPP. Điều này tạo ra những cản trở và làm chậm quá trình đàm phán của các nước. Đầu tư trực tiếp của các thành viên TPP vào Việt Nam (tính từ 1988 đến hết 2013) như sau: Nhật Bản 30 tỷ USD, đứng thứ 1; Singapore 27,89 tỷ USD, đứng thứ 3; Mỹ 10,56 tỷ USD, đứng thứ 7; Malaysia 10,20 tỷ USD, đứng thứ 8; Australia 1,38 tỷ USD, đứng thứ 15. Chỉ với 5 đối tác này, tổng lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký đã đạt trên 80 tỷ USD, chiếm khoảng 30% tổng lượng vốn FDI ở Việt Nam.

Đối với 12 nước tham gia đàm phán TPP, Việt Nam đã ký các hiệp định đa phương trong đó có các nội dung liên quan đến lĩnh vực dịch vụ tài chính như: Hiệp định thương mại tự do và quan hệ kinh tế thân thiện toàn diện ASEAN - Australia - New Zealand (AANZCERTA, thực hiện từ năm 2010), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP, thực hiện từ năm 2008), Hiệp định Đối tác Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA, thực hiện từ năm 2009) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Chile (ký tháng 10/2011). Khi tham gia TPP, tình trạng thương mại dịch vụ tài chính với các quốc gia nói trên có thể sẽ không thay đổi đáng kể, do đó các cam kết liên quan đến dịch vụ tài chính của Việt Nam trong TPP sẽ phụ thuộc nhiều vào các điều khoản đàm phán giữa Việt Nam và Mỹ.

Một trong những ưu tiên hàng đầu của Mỹ trong đàm phán FTA là việc tăng cường tiếp cận thị trường của các nhà cung cấp dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ tài chính. Mỹ hiện tại đã ký FTA với 20 quốc gia, trong đó có các nhóm quốc gia thuộc TPP như Australia, Chilê, Pêru và Singapore. Một trong những mục tiêu Mỹ nhắm tới khi đàm phán TPP đạt được các thỏa thuận tự do hóa hơn nữa trong dịch vụ tài chính, tạo hành lang cam kết rộng nhất có thể nhằm hướng tới thị trường tài chính của các đối tác tham gia hiệp định này trong tương lai.

Mỹ sử dụng FTA đã ký kết với Hàn Quốc năm 2012 để làm mô hình chuẩn trong khi đàm phán với các nước trong TPP. Mỹ phân biệt rất rõ ràng giữa "thương mại qua biên giới" và "hiện diện thương mại" trong hiệp định này. Riêng đối với phương thức hiện diện thương mại, Hiệp định sử dụng phương pháp chọn bỏ trong đó quy định một danh sách ngoại lệ các ngành dịch vụ không điều chỉnh bởi các nghĩa vụ tự do hóa như nguyên tắc "Đối xử quốc gia" và nguyên tắc "Tối huệ quốc" áp dụng chung cho tất cả các ngành khác. Phương pháp chọn bỏ được phân biệt với phương pháp chọn cho, trong đó chỉ

các lĩnh vực hoặc các ngành nằm trong danh sách này thuộc đối tượng điều chỉnh của các nguyên tắc đối xử quốc gia và tiếp cận thị trường.

Tương tự trong FTA giữa Mỹ và Singapore, quốc gia Đông Nam Á này đã dỡ bỏ các lệnh cấm trước đó đối với việc thành lập các ngân hàng của Mỹ tại Singapore; mở rộng thêm các giới hạn hiện tại đối với cam kết chung về dịch vụ tài chính theo như hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS). Cụ thể, Singapore cho phép các ngân hàng của Mỹ được hoạt động trên tất cả các nghiệp vụ và ngân hàng bán buôn.

Các quốc gia tham gia ký kết FTA với Mỹ trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngoài việc tuân thủ các nghĩa vụ về tiếp cận thị trường, nguyên tắc Tối huệ quốc và Đối xử quốc gia đối với các nước cùng tham gia vào GATS/WTO, còn phải tuân theo các cam kết ở mức độ sâu hơn về mở cửa dịch vụ tài chính cho các tổ chức tài chính của Mỹ. Dịch vụ tài chính của các quốc gia thường kém phát triển hơn rất nhiều so với Mỹ và là thị trường tiềm năng cho các công ty tài chính của Mỹ tiếp cận các thị trường này.

3. Một số khuyến nghị

- Cần phối hợp đồng bộ giữa các chính sách kinh tế vĩ mô, nhất là giữa chính sách tài khóa với chính sách tiền tệ và chính sách tỷ giá; cần thực hiện mở cửa có giới hạn các giao dịch vốn, thẩm định kỹ lưỡng các dự án sử dụng vốn nước ngoài, giám sát chặt chẽ sự chu chuyển của các dòng vốn ngắn hạn và các giao dịch vốn trên thị trường chứng khoán, đồng thời duy trì một số hạn chế đối với việc chuyển vốn ra nước ngoài.

- Cần thực hiện mở cửa từng bước thị trường vốn cho nhà đầu tư nước ngoài theo lộ trình hội nhập đã cam kết, đồng thời đảm bảo kiểm soát được luồng vốn vào, vốn ra. Lộ trình và mức độ mở cửa thị trường chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài phải dựa trên cam kết quốc tế và phù hợp với khả năng giám sát và quản lý nguồn vốn đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài.

- Cần quan tâm xem xét đến tất cả các yếu tố khác có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu (đó là những rào cản dưới dạng quy định kỹ thuật, vệ sinh dịch tễ hay điều kiện phòng vệ thương mại, quy định về xuất xứ...) ngay trong quá trình đàm phán cũng như thực hiện sau khi ký kết TPP.

Tài liệu tham khảo

1. Lương Xuân Quỳ (2014), "Việt Nam và TPP", Tạp chí *Phát triển và hội nhập*, số 14 (24).

2. Lê Phương Ninh, Vũ Thị Thu Hà (2013), "Những thách thức đối với lĩnh vực tài chính - ngân hàng khi tham gia TPP", Tạp chí *Tài chính, số 6.*

3. Vũ Hồng Loan (2013), "TPP - Hiệp định thương mại tự do của thế kỷ XXI", Tạp chí *Tài chính*, số 6.

4.http://vi.wikipedia.org/wiki/Hi%E1%BB%87p_%C4%91%E1%BB%8Bnh_%C4%90%E1%BB%91i_t%C3%A1c_Kinh_t%E1%BA%BF_Chi%E1%BA%BFn_l%C6%B0%E1%BB%A3c_xuy%C3%AAn_Th%C3%A1i_B%C3%ACnh_D%C6%B0%C6%A1ng

5. http://baodientu.chinhphu.vn/Gop-y-Hien-ke/Nhin-nhan-co-hoi-va-thach-thuc-cua-Viet-Nam-trong-TPP/192463.vgp